

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng của Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung của một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 25/2017/TT – BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-ĐHTNH-SĐH ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN về việc ban hành “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ tại Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng Hà Nội”;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày 28/10/2021;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Sau Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng, mã ngành: 8340101 của Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng Hà Nội (Có chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chương trình được áp dụng đối với học viên cao học từ khóa 6 - năm 2021.

Điều 3. Các Ông/Bà Viện trưởng Viện Sau Đại học, Trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhân:

- Như điều 3;
- Hội đồng KH&ĐT;
- Lưu: VT, SDH.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Phạm Ngọc Ánh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 218/QĐ-ĐHTNH ngày 29 tháng 10 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội)

Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt): Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Tên chương trình đào tạo (Tiếng Anh): Master of Business Administration
Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
Định hướng: Ứng dụng
Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh Mã ngành: 8340101
Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

I. MÔ TẢ VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội được thiết kế theo định hướng ứng dụng, trang bị cho học viên các kiến thức ngành, chuyên ngành cập nhật và nâng cao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, đặc biệt trong môi trường kinh doanh quốc tế, đa văn hóa; giúp học viên có kỹ năng thực hành quản trị chuyên nghiệp và hiệu quả. Học viên tốt nghiệp có thể trở thành các doanh nhân và nhà lãnh đạo doanh nghiệp với tầm nhìn và tri thức về quản trị kinh doanh trong môi trường toàn cầu, có năng lực điều hành và tổ chức thực thi các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. Triết lý đào tạo

- Triết lý đào tạo của Nhà trường:

“Thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm định chất lượng

Thái độ đúng mực, kiến thức sâu rộng, kỹ năng đa dạng”

Slogan: “Điểm tựa tri thức, đột phá thành công, khai phóng sáng tạo”

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội là các quan điểm cốt lõi định hướng cho mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của giảng viên và người học trong hoạt động giáo dục. Xuất phát từ quan điểm “*Học đi đôi với hành*” là nguyên tắc quan trọng trong hoạt động đào tạo, nhất là khối ngành tài chính - ngân

hàng. Trường luôn coi trọng các kiến thức thực tiễn trong giảng dạy, thực hành cho phù hợp với xu hướng phát triển của khoa học công nghệ (KH-CN) và xu hướng hội nhập quốc tế.

- Triết lý đào tạo riêng của GTĐT: như trên

3. Mục tiêu đào tạo

3.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh là giúp người học có kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh và thành thạo các kỹ năng chuyên môn quản trị kinh doanh, vận dụng các kiến thức quản trị để giải quyết hiệu quả các vấn đề của thực tiễn kinh doanh trong điều kiện môi trường kinh doanh đa dạng và phức tạp; giúp người học có điều kiện trở thành các nhà quản trị chuyên nghiệp trong tổ chức/ doanh nghiệp. Đồng thời, người học có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở trình độ bậc cao hơn

3.2. Mục tiêu cụ thể

GTĐT trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng hướng tới các mục tiêu cụ thể sau:

PO1: Cập nhật và mở rộng các kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh; Vận dụng kiến thức quản trị kinh doanh nhằm giải quyết hiệu quả các tình huống thực tiễn kinh doanh;

PO2: Phát triển các kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá đối với các vấn đề thực tiễn của kinh doanh, quản trị; Xây dựng năng lực khởi sự kinh doanh.

PO3: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để tìm ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học; đặc biệt là những vấn đề về quản trị doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh quốc tế;

PO4: Phát triển kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành quản trị kinh doanh và với những người khác;

PO5: Trang bị kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến;

PO6: Trang bị kỹ năng nghiên cứu, phát triển và sử dụng công nghệ một cách sáng tạo trong hoạt động quản trị kinh doanh;

PO7: Tích hợp kiến thức ngoại ngữ chuyên ngành để học viên có thể sử dụng thành thạo trong hoạt động quản trị kinh doanh.

PO8: Tuân thủ chấp hành các chính sách và pháp luật của nhà nước, có trách nhiệm với công việc, xã hội và môi trường; Có lối sống lành mạnh.

4. Chuẩn đầu ra

4.1. Về kiến thức

PLO1: Vận dụng và triển khai được các kiến thức nâng cao về kinh tế, quản lý trong nghiên cứu và thực hành quản trị kinh doanh;

PLO2: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu quản trị kinh doanh thực hành quản trị kinh doanh: các kiến thức chuyên sâu về quản trị các nguồn lực và quản trị các hoạt động tác nghiệp;

PLO3: Tổng hợp kiến thức liên ngành để nhận diện các cơ hội kinh doanh, đánh giá kết quả hoạt động doanh nghiệp, đưa ra các quyết định chiến lược cho doanh nghiệp.

4.2. Về kỹ năng

PLO4: Có khả năng vận dụng các kỹ năng chuyên môn như phân tích, hoạch định, triển khai, đánh giá chiến lược kinh doanh và kế hoạch tác nghiệp để giải quyết các tình huống trong thực tiễn kinh doanh;

PLO5: Có khả năng vận dụng kỹ năng tư duy nhằm nhận diện và giải quyết các vấn đề liên quan tới quản trị kinh doanh trong thực tiễn; Có kỹ năng lãnh đạo, tổ chức và quản trị doanh nghiệp, đặc biệt trong môi trường kinh doanh đa văn hóa;

PLO6: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, kỹ năng đàm phán, thuyết phục, kết nối;

PLO7: Đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam, có khả năng vận dụng tiếng anh trong thực hành các công việc chuyên môn quản trị kinh doanh

PLO8: Có kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin theo yêu cầu của Bộ thông tin và Truyền thông ban hành (theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT).

4.3. Về thái độ

PLO9: Có tính trung thực, tự tin, trách nhiệm trong nghiên cứu và các công việc chuyên môn liên quan đến quản trị kinh doanh

PLO10: Có tính nghiêm túc và trách nhiệm với các hoạt động của cộng đồng với tư cách là công dân trong xã hội, là thành viên của cộng đồng nghiên cứu, cộng đồng kinh doanh.

4.4. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO11: Có khả năng tự chủ, độc lập, sáng tạo trong quá trình làm việc ở các tổ chức;

PLO12: Có trách nhiệm đối với công việc, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức của nhà quản trị doanh nghiệp, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc đúng mực;

PLO13: Có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

4.4. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo							
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8
PLO1	x	x	x					
PLO2	x	x	x					
PLO3	x	x	x					
PLO4	x	x	x	x				
PLO5	x	x	x	x	x			
PLO6	x	x	x	x	x			
PLO7				x	x		x	
PLO8						x		
PLO9				x		x		x
PLO10				x		x		x
PLO11				x	x	x		x
PLO12								x
PLO13								x

5. Chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra tham khảo:

- Quyết định 1985/QĐ-TTG ngày 18/10/2016 phê duyệt khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

- CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh định hướng ứng dụng – Trường ĐH Kinh tế quốc dân;

- CTĐT thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh định hướng ứng dụng – Trường ĐH Kinh tế, ĐH Quốc gia HN;

- CTĐT thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh định hướng ứng dụng – UEH University.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp sau tốt nghiệp

6.1. Cơ hội phát triển nghề nghiệp

- Các vị trí công tác có khả năng làm việc phù hợp và tốt:

+ Nhà quản trị các cấp, cố vấn kinh doanh trong doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế – xã hội khác nhau;

+ Giảng viên, nghiên cứu viên về quản trị kinh doanh ở các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu;

+ Tự khởi sự kinh doanh

- Các loại hình tổ chức, doanh nghiệp có cơ hội làm việc phù hợp:

+ Doanh nghiệp các ngành, lĩnh vực kinh doanh thuộc các loại hình sở hữu nhà nước, tư nhân, tập thể, vốn đầu tư nước ngoài...;

+ Tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn và triển khai về quản trị kinh doanh

+ Các loại hình cơ sở đào tạo

6.2. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, các học viên sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Tiếp tục học tập ở trình độ tiến sĩ nếu đáp ứng đầy đủ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Tự nghiên cứu, học tập và bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác;

7. Yêu cầu đối với ứng viên dự tuyển

7.1. Về văn bằng: Áp dụng theo Quy định hiện hành về đào tạo trình độ Thạc sĩ tại Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội.

7.2. Về ngoại ngữ: Áp dụng theo Quy định hiện hành về đào tạo trình độ Thạc sĩ tại Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội.

8. Phương thức tuyển sinh:

Áp dụng theo Quy định hiện hành về đào tạo trình độ Thạc sĩ tại Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội.

9. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên hoàn thành chương trình đào tạo và đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường ĐH Tài chính – Ngân hàng HN.

10. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá

10.1. Phương pháp giảng dạy

Chương trình lấy người học làm trung tâm đồng thời sử dụng những phương pháp giảng dạy hiện đại, phù hợp với phương thức đào tạo tín chỉ nhằm giúp học viên đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT.

Giảng viên kết hợp sử dụng những phương pháp giảng dạy hiện đại, phù hợp với phương thức đào tạo nhằm giúp học viên đạt được các chuẩn đầu ra của các học phần và chuẩn đầu ra chung của CTĐT như thảo luận, case study, sơ đồ tư duy, học tập dựa trên dự án, thực tập, viết đề án tốt nghiệp...

Đáp ứng Chuẩn đầu ra	Phương pháp giảng dạy
PLO1,2,3,4	Thuyết trình, nêu vấn đề
PLO3,4,5,8,9,10,11	Tổ chức thực hành bài tập cá nhân/theo nhóm
PLO2,3,4,5,8,9,10,11,12,12	Tổ chức giảng dạy và thực hành các bài tập tình huống, tình huống giả lập theo nhóm/cá nhân
PLO2,3,4,5,8,9,10,11,12,13	Hướng dẫn học viên làm báo cáo thực tập, tiểu luận, dự án cá nhân/nhóm. Các hoạt động này giúp học viên vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn, giúp học viên có thể nhận định và phân tích được những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực Quản trị kinh doanh nơi học viên đang công tác. Bên cạnh đó, học viên có thể đánh giá những thành công và những điểm còn tồn tại tại doanh nghiệp/tổ chức mà học viên đang công tác
PLO2,3,4,5,8,9,10,11,12,13	Hướng dẫn học viên làm đề án tốt nghiệp nhằm phát huy tính sáng tạo trong ứng dụng khoa học, công nghệ và giải quyết vấn đề thực tiễn của học viên liên quan đến lĩnh vực Quản trị kinh doanh.

10.2. Phương pháp học tập

Đáp ứng chuẩn đầu ra	Phương pháp học tập
PLO1, 2	Tham gia học, phát biểu, thảo luận trên lớp và tự học
PLO1, 2, 3, 4, 5	Thực hành thông qua bài tập và thảo luận nhóm trên lớp và tự học
PLO2, 3, 4, 5, 8, 9, 10, 11,12,13	Thực hành các bài tập tình huống, tình huống giả lập theo nhóm/ cá nhân
PLO2, 3, 4, 5, 8, 9, 10, 11,12,13	Làm báo cáo thực tập, tiểu luận, dự án cá nhân/nhóm
PLO2, 3, 4, 5, 8, 9, 10, 11,12,13	Thực hành tính sáng tạo thông qua Đề án tốt nghiệp

10.3. Cách thức đánh giá

Loại đánh giá	Đánh giá quá trình	Đánh giá tổng kết	
		Đánh giá giữa kỳ	Đánh giá kết thúc học phần
Tỉ trọng điểm	10% điểm tổng hợp	20% điểm tổng hợp	70% điểm tổng hợp
Phương pháp đánh giá	Điểm danh	<p>Do Bộ môn quyết định trong số các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trắc nghiệm hoặc tự luận - Báo cáo thực tập cá nhân/nhóm - Thuyết trình cá nhân/nhóm - Thuyết trình + báo cáo thực tập/tiểu luận cá nhân/nhóm 	<p>Do Bộ môn quyết định trong số các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trắc nghiệm hoặc tự luận - Báo cáo thực tập
Tiêu chí đánh giá	Điểm danh ngẫu nhiên hoặc điểm danh các buổi học	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trình bày các kiến thức cơ bản của học phần, các khái niệm, quy định phát luật liên quan đã học đến thời điểm đánh giá; 2. Giải thích được các kiến thức của học phần đã học đến thời điểm đánh giá; 3. Có khả năng vận dụng, sử dụng kiến thức đã học đến thời điểm đánh giá để giải quyết các tình huống đơn giản; 4. Có khả năng phân tích và trình bày được các kiến thức đã thu nhận được đến thời điểm đánh giá 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trình bày các kiến thức cơ bản của học phần, các khái niệm, quy định phát luật liên ; 2. Giải thích được các kiến thức của học phần; 3. Có khả năng vận dụng, sử dụng kiến thức để giải quyết các tình huống; 4. Có khả năng phân tích các kiến thức đã thu nhận được.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Khái quát chương trình

- Tổng số học phần: 21 học phần

- Tổng số tín chỉ: 60 tín chỉ

- Cấu trúc kiến thức:

	Số học phần	Số tín chỉ
Kiến thức chung:	4	10
Kiến thức cơ sở ngành:	5	10
Kiến thức bắt buộc	4	8
Kiến thức tự chọn	1	2
Kiến thức chuyên ngành:	10	25
Kiến thức bắt buộc:	7	18
Kiến thức tự chọn:	3	7
Thực tập:	1	7
Đề án tốt nghiệp:	1	8

Yêu cầu của đề án tốt nghiệp: Đáp ứng yêu cầu theo Quy chế hiện hành về đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đơn vị thực hiện
I		KIẾN THỨC CHUNG (4 học phần)	10	
	SCB.03.01	Triết học nâng cao	4	Khoa Cơ bản
	STA.04.01	Tiếng Anh 1 chuyên ngành	2	Khoa Ngoại ngữ
	STA.04.02	Tiếng Anh 2 chuyên ngành	2	Khoa Ngoại ngữ
	SQK.02.01	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	Viện QTKD
II		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH (5 HỌC PHẦN)	10	
2.1		HỌC PHẦN BẮT BUỘC (4 học phần)	08	
	SCB.02.01	Kinh tế học quản lý	2	Khoa Cơ bản
	SQK.01.01	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	2	Viện QTKD
	SLKT.03.01	Pháp luật kinh tế	2	Viện PLKT
	SKT.01.01	Nguyên lý kế toán	2	Viện KT -KT
2.2		HỌC PHẦN TỰ CHỌN (1 TRONG 2 HỌC PHẦN)	02	
	SQK.02.04	Quản trị thương hiệu	2	Viện QTKD
	SQK.02.05	Hệ thống thông tin quản trị	2	Viện QTKD

III		KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (10 HỌC PHẦN)	25	
3.1		HỌC PHẦN BẮT BUỘC (7 HỌC PHẦN)	18	
	SQK.01.03	Quản trị Marketing nâng cao	2	Viện QTKD
	STN.01.02	Quản trị Ngân hàng thương mại	3	Viện TCNH
	SQK.02.02	Quản trị chiến lược	3	Viện QTKD
	SQK.02.06	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	3	Viện QTKD
	STN.02.03	Quản trị tài chính nâng cao	3	Viện TCNH
	SQK.02.08	Quản trị đổi mới và sáng tạo	2	Viện QTKD
	SQK.02.09	Xây dựng năng lực lãnh đạo quản trị	2	Viện QTKD
3.2		HỌC PHẦN TỰ CHỌN (3 TRONG 4 HỌC PHẦN)	7	
	SQK.02.03	Quản trị dự án đầu tư	3	Viện QTKD
	SQK.02.07	Quản trị doanh nghiệp thương mại	3	Viện QTKD
	SQK.02.10	Nghệ thuật đàm phán và xử lý xung đột	2	Viện QTKD
	SQK.02.11	Ra quyết định quản trị	2	Viện QTKD
IV		THỰC TẬP	7	
V		ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	8	
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	60	

3. Ma trận đóng góp của từng học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần	Chuẩn đầu ra												
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PL013
SCB.03.01	M	L	L	L	H	L	L	L	H	H	M	M	M
STA.04.01	H	M	H	H	L	H	H	M	L	L	L	L	L
STA.04.02	H	M	H	H	M	H	H	M	M	M	L	L	L
SQK.02.01	H	M	H	H	M	H	L	L	M	M	L	L	L
SCB.02.01	H	M	H	M	M	L	L	L	M	M	H	H	H
SQK.01.01	H	M	H	M	M	M	L	L	H	H	H	H	H
SLKT.03.01	H	M	H	M	H	L	L	L	M	M	M	M	L
SKT.01.01	H	H	H	H	H	M	L	L	M	M	M	M	L
SQK.02.04	H	H	H	H	H	H	L	L	H	H	M	M	L
SQK.02.05	H	H	H	H	H	H	L	L	H	H	M	M	L
SQK.01.03	H	H	H	H	H	H	L	L	H	H	H	H	L
STN.01.02	H	H	H	H	H	m	L	L	M	M	M	H	L
SQK.02.02	H	H	H	H	H	H	L	L	H	H	H	H	L
SQK.02.06	H	H	H	H	H	H	L	L	H	H	M	M	L
STN.02.03	H	H	H	H	M	M	L	L	M	M	H	H	M
SQK.02.08	H	H	H	H	H	H	L	L	H	H	M	M	M
SQK.02.09	H	H	H	H	H	H	L	L	H	H	H	H	M
SQK.02.03	H	H	H	H	H	M	L	L	M	M	H	H	M
SQK.02.07	H	H	H	H	H	M	L	L	M	M	M	M	M
SQK.02.10	H	H	H	H	H	H	L	L	H	H	H	H	M
SQK.02.11	H	H	H	H	H	H	M		H	H	H	H	M
Thực tập	H	H	H	H	H	M	M	H	H	H	H	H	M
Đề án tốt nghiệp	M	M	H	H	M	M	H	H	H	H	M	M	M

Ghi chú: Mức độ đóng góp của học phần và PLO được xác định cụ thể như sau:

- + L (Low) –đóng góp ít vào PLO
- + M (Medium) –đóng góp vừa vào PLO
- + H (High) - đóng góp nhiều vào PLO

- Các mức độ L, M, H phụ thuộc vào mức hỗ trợ của học phần đối với PLO ở mức bắt đầu (mức L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế (mức M) hay mức thuần thục, thành thạo (mức H).

4. Tóm tắt nội dung của các học phần

4.1. Triết học nâng cao (SCB.03.01)

- Số lượng tín chỉ: 04

- Mô tả học phần: Đây là học phần bắt buộc do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Học phần đề cập những nội dung ở bậc đại học chưa được học hoặc mới học ở dạng đại cương. Cụ thể, Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản:

- Triết học và thế giới quan, Lịch sử triết học (Triết học phương Đông cổ đại và trung đại; Triết học phương Tây cổ đại, trung đại, cận đại, hiện đại và đương đại; Lịch sử triết học Mác-Lênin).

- Triết học Mác gồm: Thế giới quan duy vật biện chứng, Phép biện chứng duy vật, Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, Lý luận hình thái kinh tế - xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, vấn đề giai cấp dân tộc, nhân loại trong thời đại hiện nay và vận dụng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, lý luận về nhà nước và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

4.2. Tiếng Anh chuyên ngành 1 (STA.04.01)

- Số lượng tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Học phần Tiếng Anh 1 bao gồm 2 chuyên đề. Mỗi chuyên đề là 1 chương:

- Chương 1: Economics (Kinh tế học)
- Chương 2: Business (Kinh doanh)

Mỗi chương được chia thành 3 đơn vị bài học (unit). Mỗi bài học có một chủ đề cụ thể giúp người học có thể luyện tốt 4 kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc và viết. Học viên phải hiểu và sử dụng được các thuật ngữ, khái niệm cơ bản bằng tiếng Anh để có thể phục vụ cho các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực Kinh tế, Ngân hàng, Tài chính và có thể giao tiếp ở mức thông thường.

4.3. Tiếng Anh chuyên ngành 2 (STA.04.02)

- Số tín chỉ : 02

- Mô tả học phần: Học phần Tiếng Anh 2 bao gồm 2 chuyên đề. Mỗi chuyên đề là 1 chương:

- Chương 3: Finance and Banking (Tài chính – Ngân hàng)
- Chương 4: Accounting & Auditing (Kế toán – Kiểm toán)

Mỗi chương được chia thành 3 đơn vị bài học (unit). Mỗi bài học có một chủ đề cụ thể giúp người học có thể luyện tốt 4 kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc và viết. Học viên phải hiểu và sử dụng được các thuật ngữ, khái niệm cơ bản bằng tiếng Anh để có thể phục vụ cho các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực Kinh tế, Ngân hàng, Tài chính và có thể đọc, dịch tài liệu ở mức thông thường.

4.4. Phương pháp nghiên cứu kinh tế (SQK.02.01)

- Số lượng tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Học phần cung cấp cho học viên những hiểu biết về phương pháp luận về nghiên cứu. Sau khóa học, học viên hiểu được triết lý nghiên cứu và vận dụng được các bước trong nghiên cứu như xác định chủ đề nghiên cứu, làm tổng quan tài liệu nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu và thực hiện nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng hoặc/và định tính. Bên cạnh đó, học viên hiểu được nền tảng triết lý nghiên cứu và các tiếp cận dữ liệu, thu thập và phân tích dữ liệu định lượng và định tính, trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu và công bố kết quả nghiên cứu. Học viên có thể vận dụng kiến thức và kỹ năng thu được từ học phần này để tiến hành nghiên cứu khoa học.

4.5. Quản trị chiến lược (SQK.02.02)

- Số lượng tín chỉ: 03

- Mô tả học phần: Học phần giúp người học nghiên cứu được môi trường quản trị; Xác định được mối quan hệ giữa hệ thống thông tin quản trị với việc phân tích môi trường; Xác định sứ mạng (nhiệm vụ) và mục tiêu của tổ chức; Xây dựng chiến lược; Lựa chọn chiến lược; Thực hiện chiến lược và đánh giá việc thực hiện các chiến lược cho doanh nghiệp. Học phần có nghiên cứu các tình huống thực tế trong các buổi thực hành, thảo luận.

4.6. Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao (STN.01.02)

- Số lượng tín chỉ: 03

- Mô tả học phần: Môn học trang bị cho học viên những kiến thức và công cụ cần thiết về quản trị trong hoạt động ngân hàng dựa trên kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý thuyết và thực tiễn từ cả phía ngân hàng lẫn các đơn vị kinh doanh. Học phần đặc biệt tập trung đến các nguyên lý, quy trình, ý nghĩa và trách nhiệm quản trị rủi ro trong các tình huống khác nhau xảy ra trong hoạt động ngân hàng. Hoạt động quản trị được thực hiện với hầu hết các hoạt động kinh doanh của ngân hàng như hoạt động tín dụng, hoạt động huy động vốn, hoạt động đầu tư... Một số mô hình quản trị rủi ro cũng được giới thiệu giúp học viên hiểu rõ hơn quy trình tổng thể hoạt động quản trị rủi ro mà ngân hàng thực hiện như mô hình ALM (quản trị rủi ro tài sản nợ – tài sản có), mô hình quản trị rủi ro đơn lẻ, mô hình xếp hạng tín dụng, mô hình RAROC... sau khi học xong học phần này, học viên có thể dự đoán những vấn đề về rủi ro có thể gặp phải trong công việc của mình, hiểu và ứng dụng được các phương pháp, cách thức quản trị để từ đó có các phương pháp giải quyết các tình huống đó một cách tối ưu.

4.7. Nguyên lý kế toán (SKT.01.01)

- Số lượng tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán: khái niệm, định nghĩa, đối tượng, nguyên tắc, chức năng nhiệm vụ, vai trò của kế toán; các phương pháp kế toán; vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hoạt động kinh doanh căn bản của một đơn vị cụ thể. Các phương pháp kế toán được đề cập đến gồm: Chứng từ kế toán, kiểm kê, tính giá đối tượng kế toán, tài khoản, ghi sổ kép và tổng hợp cân đối kế toán. Những kiến thức của học phần giúp cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về kế toán kiểm toán đồng thời có thể vận dụng để hỗ trợ các lĩnh vực chuyên môn thuộc khối ngành kinh tế

4.8. Kinh tế học quản lý (SCB.02.01)

- Số lượng tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Học phần trang bị kiến thức kinh tế học ứng dụng về cơ chế ra quyết định của các nhà quản lý, thông qua lý thuyết giá cả, hành vi của các cá nhân và các hãng và cơ chế kết hợp quyết định của các thực thể kinh tế trên thị trường. Học phần bắt đầu bằng việc ôn lại mô hình cung cầu, độ co giãn của cầu. Tiếp theo, học phần tập trung vào lý thuyết về doanh nghiệp với những nội dung như: quá trình sản xuất và chi phí, tối đa hóa lợi nhuận, hành vi của các doanh nghiệp, việc ra quyết định của các nhà quản lý trong những

cấu trúc thị trường khác nhau. Cuối cùng, học phần đề cập sâu một số phương pháp đánh giá trên lý thuyết và trong thực tiễn cũng như mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa các hãng thông qua việc tìm hiểu và phân tích một số trò chơi kinh tế. Các phân tích vi mô được học phần đề cập trong môi trường kinh tế vĩ mô với các phân tích vĩ mô cơ bản. Đặc biệt, học phần cung cấp kiến thức để ứng dụng các công cụ kinh tế học này vào những tình huống thực tế, sử dụng các công cụ kinh tế lượng để ra quyết định quản lý thông qua các nội dung như: ước lượng hàm cầu, ước lượng sản lượng, ước lượng hàm chi phí,...

4.9. Văn hóa và đạo đức kinh doanh (SQK.01.01)

- Số lượng tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Trong tiến trình hoàn cầu hóa, ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia thị trường quốc tế phải đối mặt với sự khác biệt trong văn hóa giữa các quốc gia nên việc nắm bắt ảnh hưởng của văn hóa đến các khía cạnh, các giao dịch của hoạt động kinh doanh, công ty đóng vai trò quan trọng trong sự thành bại của doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Tổng quan về văn hóa kinh doanh; Triết lý kinh doanh; Đạo đức kinh doanh; Văn hóa doanh nhân; Văn hóa doanh nghiệp; Văn hóa các hoạt động kinh doanh và Một vài mô hình văn hóa doanh nghiệp tiêu biểu. Sau khi hoàn thành học phần, học viên có khả năng vận dụng kiến thức lý luận và thực hành vào hoạt động kinh doanh ở tầm chiến lược và tác nghiệp với những quyết định đúng đắn và tôn trọng văn hóa các bên liên quan.

4.10. Pháp luật kinh tế (SLKT.03.01)

- Số lượng tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức pháp luật nền tảng và nâng cao về các vấn đề chính sách pháp luật, chủ thể kinh doanh, thương mại hàng hóa và dịch vụ, về đầu tư, về cạnh tranh, phá sản trong kinh doanh và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh. Ngoài ra môn học còn cung cấp cho người học những hiểu biết cần thiết về vấn đề hình sự hóa các giao dịch dân sự, kinh tế trong thực tiễn đời sống pháp luật và kinh doanh hiện nay ở Việt Nam để trên cơ sở đó có những biện pháp phòng tránh rủi ro, rắc rối ngoài ý muốn... Giới thiệu quy chế pháp lý về hợp đồng kinh doanh, thương mại như các quy định về giao kết, thực hiện hợp đồng, xử lý vi phạm phát sinh trong quan hệ hợp đồng và làm rõ các quy định về một số hợp đồng chuyên biệt; cung cấp cho người học đặc điểm pháp lý của các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại trong nền kinh tế thị trường

và trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Cung cấp khối kiến thức về pháp luật tài chính: đề cập tới cơ chế điều chỉnh bằng pháp luật các quan hệ xã hội phát sinh trong phân phối các nguồn tài chính thông qua việc tạo lập, quản lý, sử dụng các quỹ tiền tệ của các chủ thể trong xã hội.

4.11. Quản trị tài chính nâng cao (STN.02.03)

- Số lượng tín chỉ: 03

- Mô tả học phần: Trên cơ sở các kiến thức cơ bản về quản trị tài chính, học phần Quản trị tài chính nâng cao nhằm trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về quản trị tài chính doanh nghiệp. Đây là học phần mang tính thực hành nghiên cứu cao, trang bị các phương pháp nghiên cứu và phân tích các hoạt động tài chính doanh nghiệp trên cơ sở các lý thuyết tài chính, thực tiễn quản lý tài chính trong nền kinh tế thị trường.

4.12. Hệ thống thông tin quản trị (SQK.02.05)

- Số lượng tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Cung cấp các kiến thức và kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong quản lý và kinh doanh. Trong các tổ chức, hệ thống thông tin quản lý bao gồm các yếu tố cơ bản như cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin truyền thông, trang thiết bị, các ứng dụng công nghệ thông tin, đội ngũ cán bộ chuyên trách và liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, lãnh đạo công nghệ thông tin và các mối quan hệ giữa các đơn vị chức năng trong ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động của tổ chức. Trong hơn hai thập kỷ qua, hệ thống thông tin quản trị đã trở thành một bộ phận chức năng quan trọng hàng đầu góp phần tạo nên thành công của các tổ chức doanh nghiệp ở mọi lĩnh vực và quy mô.

4.13. Quản trị nguồn nhân lực (SQK.02.06)

- Số lượng tín chỉ: 03

- Mô tả học phần: Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Tổng quan về quản trị nguồn nhân lực; Hoạch định nguồn nhân lực; Phân tích công việc; Tuyển dụng nguồn nhân lực; Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; Đánh giá thực hiện công việc của nhân viên; Trả công lao động; Quan hệ lao động và thỏa ước lao động tập thể; Quản trị nguồn nhân lực quốc tế. Học phần giúp người học có kiến thức chuyên sâu và nâng cao về quản trị nguồn nhân lực chiến lược như tuyển dụng nhân lực, tìm kiếm và phát hiện nhân tài, đào tạo và bồi dưỡng, quản trị thành tích và thù lao đãi ngộ hợp lý để có thể thu hút, giữ chân và phát triển

nhân lực. Học viên được tiếp cận các trải nghiệm thực tiễn sát thực thông qua phân tích, đánh giá các tình huống quản trị nguồn nhân lực qua đó nhận diện các vấn đề nhân lực và đúc rút ra các bài học và có các giải pháp phù hợp với thực tế.

4.14. Quản trị dự án đầu tư (SQK.02.02)

- Số lượng tín chỉ: 03

- Mô tả học phần: Cung cấp các kiến thức về các vấn đề liên quan đến cách thức triển khai một dự án cụ thể, qua đó giúp học viên sẽ có thể hiểu, liên hệ và vận dụng trong việc soạn thảo một hồ sơ dự án hoàn chỉnh cho hoạt động ra quyết định đầu tư và thu hút nguồn tài trợ, và sự ủng hộ từ các bên liên quan trong dự án. Học phần cũng tiếp cận các nguyên tắc và các mảng nội dung quản trị quan trọng cần cho một dự án giúp học viên sẽ vận dụng những hiểu biết, kiến thức về quản trị, marketing, tài chính, phân tích lợi ích – chi phí vào cho hoạt động lập, thẩm định và quản trị một dự án đầu tư; vận dụng kiến thức của môn học vào quản lý các chương trình, kế hoạch theo hướng quản lý dự án nhằm đạt được hiệu quả tối ưu.

4.15. Quản trị Marketing (SQK.01.03)

- Số lượng tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Học phần trang bị cho học viên những kiến thức chung về marketing và quản trị marketing, thương hiệu của doanh nghiệp, đồng thời giúp người học có kỹ năng thực hành quản trị marketing. Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng trong việc hoạch định chiến lược Marketing trên cơ sở phân tích và dự báo thị trường; các kỹ năng Marketing để thực thi chiến lược Marketing và cơ sở khoa học để kiểm tra việc thực thi chiến lược đó. Học phần giúp người học có khả năng phân tích về năng lực của doanh nghiệp và sự cạnh tranh của đối thủ về hoạt động marketing.

4.16. Quản trị đổi mới và sáng tạo (SQK.02.08)

- Số lượng tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Đây là một học phần quan trọng nhằm khơi dậy tinh thần đổi mới và sáng tạo không ngừng hoạt động quản trị kinh doanh, đặc biệt trong thời đại 4. Cung cấp hiểu biết về sáng tạo và đổi mới trong doanh nghiệp cũng như phương pháp ứng dụng vào thực tế. Học phần bao gồm các nội dung: Tổng quan về đổi mới và sáng tạo; Quản trị đổi mới và sáng tạo trong doanh nghiệp; các liên minh chiến lược để phát triển kỹ thuật và sản

phẩm; Quản lý nghiên cứu và phát triển; Sản phẩm và chiến lược thương hiệu; Quản lý phát triển sản phẩm và dịch vụ mới,...

4.17. Xây dựng năng lực quản trị lãnh đạo (SQK.02.09)

- Số lượng tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò, yêu cầu về năng lực đối với nhà lãnh đạo; phẩm chất và kỹ năng của nhà lãnh đạo, quyền lực và nguồn gốc của quyền lực và sử dụng quyền lực trong lãnh đạo, phong cách lãnh đạo và cách thức sử dụng phong cách lãnh đạo; xác định tình huống lãnh đạo và sử dụng các phong cách lãnh đạo theo tình huống khác nhau, kỹ năng lãnh đạo nhóm, những lý thuyết/phương pháp lãnh đạo mới. Đồng thời, Học phần giới thiệu những tổng kết về nghệ thuật lãnh đạo trong các học thuyết lãnh đạo; chia sẻ những triết lý đa dạng về nghệ thuật lãnh đạo; Giới thiệu những nội hàm về kiến thức ứng dụng đối với các cấp lãnh đạo cao nhất của doanh nghiệp; Trao đổi thảo luận để phát triển các kỹ năng lãnh đạo, quản lý của người học. Cung cấp những kiến thức quản trị cần nâng cao cho chủ doanh nghiệp (Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc)...

4.18. Nghệ thuật đàm phán và quản trị xung đột (SQK.02.10)

- Số lượng tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Học phần gồm 4 chương, cung cấp các kiến thức liên quan đến đàm phán trong quản lý; các lý thuyết mới trong đàm phán, mô hình, kỹ thuật và chiến lược trong đàm phán cho các nhà quản lý. Chương 1 làm rõ bản chất của đàm phán, tư duy đàm phán; Chương 2: Quá trình đàm phán tập trung làm rõ các bước trong quá trình đàm phán như Chuẩn bị đàm phán, trong khi đàm phán và kết thúc đàm phán, đưa ra các bài tập tình huống tự đánh giá Chương 3 tập trung làm rõ Quyết định và chiến thuật đàm phán hiệu quả. Chương 4: Học phần làm rõ bản chất, nguồn gốc và các tình tiết xung đột, các mức độ xung đột, các quan điểm về xung đột, các phong cách quản lý xung đột.

4.19. Ra quyết định quản trị (SQK.02.11)

- Số lượng tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Học phần cung cấp và trang bị cho người học các tri thức và kỹ năng phát hiện vấn đề, tìm kiếm nguyên nhân, đề xuất các phương án và lựa chọn quyết định một cách khoa học, sáng tạo và hiệu quả. Cung cấp các kiến thức về nội dung khoa học cốt lõi của ra quyết định, vận dụng khoa học ra quyết định vào hoàn cảnh thực tiễn, đặc biệt là

thực tiễn của Việt Nam; cung cấp các tình huống ra quyết định của các tổ chức/doanh nghiệp Việt nam và nước ngoài, qua đó làm sáng tỏ thêm nhân tố chi phối quá trình ra quyết định của các nhà quản trị theo phương châm “tư duy toàn cầu, quyết định địa phương”.

4.20. Quản trị thương hiệu (SQK.02.04)

- Số lượng tín chỉ: 02

- Mô tả học phần: Học phần tập trung giới thiệu các kiến thức tổng quan về thương hiệu và công tác quản trị thương hiệu, tầm quan trọng của công tác quản trị thương hiệu trong công ty, phân tích nội dung công tác quản trị thương hiệu, bảo vệ thương hiệu, mở rộng thương hiệu; giúp cho học viên có kỹ năng thiết kế và xây dựng kế hoạch quảng bá thương hiệu; kỹ năng phân tích và đề xuất chiến lược quản trị thương hiệu cho một thương hiệu cụ thể trên thị trường.

4.21. Quản trị doanh nghiệp thương mại (SQK.02.07)

- Số lượng tín chỉ: 03

- Mô tả học phần: Học phần này trang bị cho học viên những vấn đề lý luận cơ bản về quản trị doanh nghiệp dịch vụ (DNTM) và kỹ năng giải quyết các tình huống có liên quan đến việc vận dụng các quản trị tác nghiệp trong DNTM. Người học có khả năng tổ chức hoạt động kinh doanh và tạo lập DNTM mới. Đồng thời rèn luyện cho sinh viên trở thành những công dân tốt có ích cho đất nước, có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, yêu ngành, yêu nghề, có bản lĩnh dám nghĩ, dám làm.

4.22. Đề án tốt nghiệp

- Số lượng tín chỉ: 08

- Mô tả tóm tắt học phần: Đề án tốt nghiệp được thiết kế nhằm cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu, tiên tiến, khả năng tự nghiên cứu, tổng hợp thông tin và các kỹ năng cần thiết để đề xuất các ý tưởng sáng tạo nhằm lập kế hoạch, tài trợ, phát triển và vận hành một dự án kinh doanh mới trong kỷ nguyên số. Học viên cần tìm kiếm các cơ hội kinh doanh khả thi và thu thập các nguồn lực cần thiết để chuyển đổi một cơ hội khả thi thành một ý tưởng kinh doanh mới. Kết thúc đề án, học viên được yêu cầu thiết kế một đề án kinh doanh nhằm đưa ra ý tưởng kinh doanh từ tiềm năng vào thực tế.

III. Tổ chức triển khai chương trình

1. Kế hoạch đào tạo toàn khóa

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ		
				1	2	3
I		KIẾN THỨC CHUNG (4 học phần)	10			
	SCB.03.01	Triết học nâng cao	4	x		
	STA.04.01	Tiếng Anh 1 chuyên ngành	2	x		
	STA.04.02	Tiếng Anh 2 chuyên ngành	2	x		
	SQK.02.01	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	x		
II		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH (5 HỌC PHẦN)	10			
2.1		HỌC PHẦN BẮT BUỘC (4 Học phần)	08			
	SCB.02.01	Kinh tế học quản lý	2	x		
	SQK.01.01	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	2		x	
	SLKT.03.01	Pháp luật kinh tế	2	x		
	SKT.01.01	Nguyên lý kế toán	2	x		
2.2		HỌC PHẦN TỰ CHỌN (1 TRONG 2 HỌC PHẦN)	02			
	SQK.02.04	Quản trị thương hiệu	2	x		
	SQK.02.05	Hệ thống thông tin quản trị	2	x		
III		KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (10 HỌC PHẦN)	25			
3.1		HỌC PHẦN BẮT BUỘC (7 HỌC PHẦN)	18			
	SQK.01.03	Quản trị Marketing nâng cao	2		x	
	STN.01.02	Quản trị Ngân hàng thương mại	3		x	
	SQK.02.02	Quản trị chiến lược	3		x	
	SQK.02.06	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	3		x	
	STN.02.03	Quản trị tài chính nâng cao	3		x	
	SQK.02.08	Quản trị đổi mới và sáng tạo	2		x	
	SQK.02.09	Xây dựng năng lực lãnh đạo quản trị	2		x	
3.2		HỌC PHẦN TỰ CHỌN (3 TRONG 4 HỌC PHẦN)	7			
	SQK.02.03	Quản trị dự án đầu tư	3			x
	SQK.02.07	Quản trị doanh nghiệp thương mại	3			x
	SQK.02.10	Nghệ thuật đàm phán và xử lý xung đột	2			x
	SQK.02.11	Ra quyết định quản trị	2			x
IV		Thực tập	7			x
V		ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	8			x
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	60	18	20	22

2. Đội ngũ giảng viên

STT	Mã học phần	Tên học phần	Các giảng viên dự kiến
1	SCB.03.01	Triết học nâng cao	TS. Nguyễn Văn Sanh <i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i> TS. Dương Quốc Quân <i>HV Tài chính</i>
2	STA.04.01	Tiếng Anh 1 chuyên ngành	ThS. Nguyễn Thị Định ThS. Nguyễn Thị Mai ThS. Lê Thị Yến <i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>
3	STA.04.02	Tiếng Anh 2 chuyên ngành	ThS. Nguyễn Thị Định ThS. Nguyễn Thị Mai ThS. Lê Thị Yến <i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>
4	SQK.02.01	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	PGS.TSKH Bùi Xuân Biên TS. Nguyễn Đình Hợi <i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i> TS. Vũ Văn Hương <i>ĐH Quốc Gia HN</i>
5	SCB.02.01	Kinh tế học quản lý	PGS.TS Vũ Kim Dũng TS. Ngô Tuấn Anh <i>ĐH Kinh tế quốc dân</i> PGS.TS Phạm Đình Hòa <i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>
6	SQK.01.01	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	TS. Hà Thị Hương Lan <i>Trường Bồi dưỡng CBTC</i> TS. Nguyễn Văn Hùng <i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>
7	SLKT.03.01	Pháp luật kinh tế	TS. Nguyễn Thị Thu Vân PGS.TS Nguyễn Thị Liên <i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>
8	SKT.01.01	Nguyên lý kế toán	TS. Hoàng Văn Tường TS. Đinh Hoài Nam TS. Lê Quang Bình <i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>

9	SQK.02.04	Quản trị thương hiệu	TS. Nguyễn Thông Thái TS. Trần Đức Lộc <i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i> PGS. TS. Nguyễn Quốc Thịnh <i>ĐH Thương Mại</i>
10	SQK.02.05	Hệ thống thông tin quản trị	TS. Nguyễn Thông Thái TS. Nguyễn Văn Hùng <i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>
11	SQK.01.03	Quản trị Marketing nâng cao	PGS. TS. Doãn Kế Bôn PGS. TS. An Thị Thanh Nhân <i>ĐH Thương Mại</i> TS. Nguyễn Thông Thái TS. Trần Đức Lộc <i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>
12	STN.01.02	Quản trị Ngân hàng thương mại	TS. Phạm Phan Dũng TS. Vũ Thị Lợi <i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>
13	SQK.02.02	Quản trị chiến lược	PGS.TSKH Bùi Xuân Biên PGS.TS Hoàng Văn Hải <i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>
14	SQK.02.06	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	TS. Trần Đức Lộc TS. Hồ Chí Dũng <i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i> TS. Nguyễn Thị Nguyên Hồng <i>ĐH Thương Mại</i>
15	STN.02.03	Quản trị tài chính nâng cao	TS. Bạch Đức Hiền TS. Dương Thị Tuệ <i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>
16	SQK.02.08	Quản trị đổi mới và sáng tạo	PGS.TS Hoàng Văn Hải TS. Hồ Chí Dũng <i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i> PGS.TS Đỗ Thị Ngọc <i>ĐH Thương Mại</i>

17	SQK.02.09	Xây dựng năng lực lãnh đạo quản trị	PGS.TS Hoàng Văn Hải GS.TS Hoàng Trần Hậu <i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>
18	SQK.02.03	Quản trị dự án đầu tư	TS. Trần Đức Lộc TS. Nguyễn Thông Thái <i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>
19	SQK.02.07	Quản trị doanh nghiệp thương mại	TS. Nguyễn Thông Thái TS. Hồ Chí Dũng <i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i> PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh PGS.TS Doãn Kế Bôn <i>ĐH Thương Mại</i>
20	SQK.02.10	Nghệ thuật đàm phán và xử lý xung đột	GS.TS Hoàng Trần Hậu PGS.TS Hoàng Văn Hải TS. Nguyễn Văn Hùng <i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i> TS. Nguyễn Phương Mai <i>ĐH Quốc gia HN</i>
21	SQK.02.11	Ra quyết định quản trị	GS.TS Hoàng Trần Hậu PGS.TS Hoàng Văn Hải TS. Hồ Chí Dũng <i>ĐH Tài chính – Ngân hàng HN</i>

3. Nguồn học liệu tham khảo

Số TT	Tên sách/tạp chí	Nơi xuất bản	Năm	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
1.	Giáo trình Triết học	NXB Lý luận chính trị	2004	Triết học
2.	Giáo trình Triết học dành cho học viên Cao học và NCS	NXB Lý luận chính trị	2008	
3.	Developing skills for the TOEFL iBT	NXB TP. HCM	2009	Tiếng Anh
4.	Tài liệu ôn luyện TOEFL	NXB TP. HCM	2011	

5.	English for finance	NXB TP. HCM	2010	
6.	Practice tests English for business 1	NXB TP. HCM	2012	
7.	Practice tests English for Business II	NXB TP. HCM	2011	
8.	Academic Vocabulary in Use	UK	2009	
9.	Phương pháp luận NCKH	NXB GDVN	2011	Phương pháp NCKT
10.	Nghệ thuật lãnh đạo quản trị	NXB Đồng Nai	2007	Xây dựng năng lực quản trị lãnh đạo
11.	Nghệ thuật lãnh đạo – Vị giám đốc một phút	NXB Trẻ	2008	
12.	Nghệ thuật lãnh đạo hỗ trợ	NXB Trẻ	2008	
13.	Tâm lý học quản lý dành cho người lãnh đạo	NXB Chính trị Quốc gia	2008	
14.	Khoa học lãnh đạo hiện đại	NXB Chính trị Quốc gia	2009	
15.	Nhà lãnh đạo tương lai	NXB Thống kê	1997	
16.	Quản trị chiến lược	NXB ĐHQG HN	2017	
17.	Tư duy nhanh và chậm	NXB Thế giới	2014	
18.	Khái luận về quản trị chiến lược	NXB Thống kê	2010	
19.	Chiến lược và chính sách kinh doanh	NXB Lao động – xã hội	2010	
20.	Quản trị chiến lược – phát triển vị thế cạnh tranh	NXB Thống kê	2007	
21.	Giáo trình Quản trị chiến lược	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2007	
22.	Quản trị quá trình đổi mới và sáng tạo	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012	Quản trị đổi mới và sáng tạo
23.	Đi trong thế giới mơ hồ	NXB ĐHQGHN	2022	
24.	Innovation Management		2012	
25.	Phong cách lãnh đạo mới	Nhà xuất bản trẻ	2008	Xây dựng năng lực quản trị lãnh
26.	Nghệ thuật giao quyền	Nhà xuất bản văn	2008	

		hóa thông tin		đạo
27.	Thuật lãnh đạo nhóm	Nhà xuất bản trẻ	2008	
28.	Building strong brand		2009	Quản trị thương hiệu
29.	Brand leadership		2009	
30.	Strategic Brand management		2007	
31.	Skill for Managerial Success		1996	
32.	Tổ chức và điều hành dự án	NXB Tài chính	2009	Quản trị dự án đầu tư
33.	MBA trong tầm tay – Chủ đề Quản lý dự án, Bản quyền tiếng việt (c) 2008 Công ty cổ phần Tinh Văn theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền của John Wiley & Sons, Inc	NXB Tổng hợp	2010	
34.	Project Management Institute, A Guide to Project Management Body of Knowledge (PMBOK Guide)		2010	
35.	Nghiên cứu khoa học marketing	NXB Đại học Quốc gia TP.HCM	2010	Quản trị Marketing
36.	Những nguyên lý tiếp thị	NXB Thống kê	2007	
37.	Những phương thức sáng tạo chiến thắng và không chế thị trường	NXB TP.HCM	2008	
38.	Mười sai lầm chết người của tiếp thị	NXB Trẻ	2008	
39.	Kotler bàn về tiếp thị	NXB Trẻ	2008	
40.	Những hiểu biết sâu sắc về tiếp thị từ A tới Z	NXB Thống kê	2008	
41.	Managing brand equity	New York	2008	
42.	Building strong brands	New York	2008	
43.	Competing for customers and Winning with value, ASQ Quality Press	R. Eric Reidenbach and Reginald W. Goeke	2009	
44.	Quản trị Marketing	NXB Giáo dục	2009	
45.	Ra quyết định quản trị	NXB ĐHQG HN	2018	Ra quyết định quản trị
46.	Kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề	NXB Tổng hợp	2007	

47.	Making management work		1992	
48.	Kỹ năng ra quyết định	Nhà xuất bản Tổng hợp, TP.HCM	2007	
49.	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	Nhà xuất bản Tổng hợp, TP.HCM	2011	Quản trị nguồn nhân lực
50.	Khái luận về quản trị chiến lược	NXB Thống kê	2006	Quản trị chiến lược
51.	Chiến lược và chính sách kinh doanh	NXB Lao động – xã hội	2010	
52.	Quản trị chiến lược – phát triển vị thế cạnh tranh	NXB Thống kê	2007	
53.	Giải mã chiến lược Đông Tây	NXB ĐHQGHN	2020	
54.	Giáo trình Quản trị chiến lược	NXB ĐHQGHN	2017	
55.	Quản lý: Những điều cốt lõi	NXB ĐHQGHN	2021	
56.	Giáo trình Luật thương mại (tập 1, tập 2)	NXB CAND, Hà Nội,	2006	
57.	Giáo trình Luật kinh tế	NXB ĐHQG, Hà Nội,	2006	
58.	Luật kinh tế Việt Nam	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2010	
59.	Pháp luật về xúc tiến thương mại ở Việt Nam – Những vấn đề về lý luận và thực tiễn	NXB Chính trị quốc gia	2007	
60.	Pháp luật về hợp đồng thương mại và đầu tư – Những vấn đề pháp lý cơ bản	NXB Chính trị quốc gia	2008	
61.	Luật Doanh nghiệp năm 2005	NXB Thống kê	2005	
62.	Luật Thương mại năm 2005	NXB Thống kê	2002	
63.	Luật Đầu tư năm 2005	NXB Thống kê	2005	
64.	Luật Cạnh tranh 2004	NXB Thống kê	2004	
65.	Luật Phá sản năm 2004	NXB Thống kê	2004	
66.	Luật Trọng tài thương mại 2010	NXB Thống kê	2010	
67.	Bộ luật hình sự năm 1999 (chương 16)	NXB Thống kê	1999	

68.	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	NXB Đại học kinh tế quốc dân	2007	Văn hóa và đạo đức trong kinh doanh
69.	Văn hóa kinh doanh	NXB Đại học kinh tế quốc dân	2006	
70.	Văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân trong quá trình hội nhập	NXB Chính trị quốc gia	2010	
71.	Giải quyết tranh chấp	NXB Thống kê	2004	Nghệ thuật đàm phán và giải quyết xung đột
72.	Managing Conflict in Organizations		2001	
73.	Conflict management in the workplace		2008	
74.	The handbook of conflict resolution: theory and practice		2006	
75.	Quản trị ngân hàng thương mại: HV Tài chính	NXB Tài chính	2008	Quản trị ngân hàng thương mại
76.	Quản trị Ngân hàng thương mại (Commercial bank management)	NXB Tài chính	2001	
77.	Quản trị Ngân hàng thương mại, Đại học KTQD	NXB Giao thông Vận tải	2008	
78.	Quản trị rủi ro trong ngân hàng	NXB Lao động Xã hội	2012	
79.	Quản trị Ngân hàng thương mại, Đại học Kinh tế thành phố HCM	NXB Phương Đông	2005	
80.	GT Quản trị tài chính doanh nghiệp	NXB ĐH KT QD	2012	Quản trị tài chính
81.	Quản trị tài chính	NXB Thống kê	2004	
82.	Câu hỏi và bài tập quản trị tài chính	NXB Thống kê	2004	
83.	Quản trị tài chính căn bản	NXB Thống kê	2005	
84.	Quản trị tài chính doanh nghiệp	NXB Thống kê	1996	
85.	Quản trị marketing trong doanh nghiệp	NXB Thống kê	2011	Quản trị Marketing
86.	Quản trị marketing (sách dịch tái bản)	NXB Thống kê	2010	
87.	Marketing Management (The Millenium Edition)		2010	
88.	Kotler On Marketing : How to Create, Win		2011	

89.	Giáo trình Kinh tế quản lý: ĐH Thủy lợi		2005	Kinh tế học quản lý
90.	Giáo trình Khoa học quản lý: ĐH Quốc gia HN	NXB ĐHQGHN		
91.	Giáo trình Kinh tế quản lý: ĐH Quốc gia HN	NXB GD VN		
92.	Nguyên lý kế toán – Học viện tài chính	NXB Tài chính	2019	Nguyên lý kế toán
93.	Các văn bản pháp quy về kế toán: Luật kế toán 2003, Chuẩn mực kế toán			
94.	Các tài liệu tham khảo liên quan đến kế toán: Lý thuyết hạch toán kế toán, Nguyên lý kế toán của các trường đại học.			
95.	Hệ thống thông tin quản lý	NXB Thống kê	2009	Hệ thống thông tin quản trị
96.	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin kế toán	NXB Thống kê	2004	
97.	Bài giảng gốc Quản trị doanh nghiệp	NXB Thống kê	2015	Quản trị doanh nghiệp dịch vụ
98.	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch	NXB Thống kê	2010	
99.	Quản trị doanh nghiệp KDDV trong cơ chế thị trường	NXB Thống kê	2010	
100.	Các tình huống Quản trị doanh nghiệp du lịch,	NXB Thống kê	2010	